

Bản án số: 19 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày 29/03/2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn, ông Ngô Thanh Xuân .

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Huyền- Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐTS- HNGĐ ngày 12/03/2021 giữa:

\* **Nguyên đơn:** Chị Nông Thị L, sinh năm 1989.

ĐKKHKT: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú tại: Thôn O, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Giang ( Xin vắng mặt)

\* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1983.

ĐKKHKT: Thôn Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện C, tỉnh Bắc Giang. ( Xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Kh có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2008 tại UBND xã T ( nay là thị trấn K ), huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 08/2020 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn, vợ chồng ly thân từ tháng 08/ 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Kh.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là:

1. Nguyễn Đan H, sinh ngày 03/01/2010.

2. Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 17/10/2012

Hiện nay con đang ở với anh Kh cháu H hoặc lớp 5A, cháu H học lớp 3, vợ chồng ly hôn chị đồng ý để anh Kh tiếp tục nuôi con vì hiện nay chị đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn Kh không có bản tự khai nhưng có lời khai tại Tòa án trình bày: Anh và chị L có đăng ký kết hôn năm 2008. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 chị L bỏ nhà đi không quan tâm đến anh và các con, khi đi làm về chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nếu chị L không chịu về nhà mà cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Đan H, sinh ngày 03/01/2010.

2. Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 17/10/2012

Hiện nay con đang ở với anh; Nếu chị L cương quyết xin ly hôn anh xin được nuôi con, vì từ khi bỏ đi chị L không quan tâm đến con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có lấy lời khai của 02 con anh Kh và chị L, các cháu có ý kiến: Các cháu biết bố mẹ có mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, hiện nay bố mẹ không chung sống với nhau. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn ở với bố vì bố quan tâm, chăm sóc, bố đi làm có kinh tế có điều kiện nuôi các cháu tốt hơn.

Quá trình giải quyết vụ án chị L có đơn xin từ chối hòa giải và xin được vắng mặt, nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 29/03/2021 chị L, anh Kh xin xét xử vắng mặt, Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh Kh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Kh nuôi 02 con chung là Nguyễn Đan H, sinh ngày 03/01/2010 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 17/10/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Nông Thị L cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh Kh có hộ khẩu tại xã T (nay là thị trấn K), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Kh theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Nguyễn Văn Kh đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2008 tại UBND xã T ( nay là thị trấn K ). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Kh là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của chị L và anh Kh đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã ly thân, hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Nông Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chị L, anh Kh có 02 con chung là Nguyễn Đan H , sinh ngày 03/01/2010 và Nguyễn Tuấn H , sinh ngày 17/10/2012, anh Kh có nguyện vọng nuôi con chung, chị L đồng ý để anh Kh tiếp tục nuôi 02 con, các con của anh Kh, chị L có nguyện vọng ở với anh Kh . Đối với yêu cầu nuôi con của anh Kh thì thấy: Hiện nay cháu H và cháu H đang học tại Trường tiểu học thị trấn K , chị L đi làm ăn xa, anh Kh có nhà ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định “ ...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con” nên để đảm bảo cho các con có điều kiện tốt nhất cho con phát triển cả về thể chất và tinh thần và ổn định cuộc sống cần giao cho anh Nguyễn Văn Kh nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Đan H , sinh ngày 03/01/2010 và Nguyễn Tuấn H , sinh ngày 17/10/2012 là phù hợp.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị L thực hiện quyền này.

Anh Kh, chị L có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Kh nuôi 02 con chung là Nguyễn Đan H , sinh ngày 03/01/2010 và Nguyễn Tuấn H , sinh ngày 17/10/2012.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị L thực hiện quyền này.

Anh Kh, chị L có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002865 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị L, anh Kh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND thị trấn K ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thu Hà**

